



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tin học ứng dụng trong kế toán

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm           | tên   | Ngày sinh  | Lớp          | Lớp HP | Điểm thi | Số máy | Mã đề | Ký nộp        | Ghi chú |
|-----|--------|------------|------------------|-------|------------|--------------|--------|----------|--------|-------|---------------|---------|
| 1   | 000001 | 1204020001 | Nguyễn Thị       | Biển  | 16/08/1987 | LT12A        | 01     | 9,5      | 08     | 01    | Đỗ            |         |
| 2   | 000002 | 1204020004 | Trần Trọng       | Đài   | 09/01/2003 | LT12A        | 01     | 4,5      | 08     | 02    | Đỗ            |         |
| 3   | 000003 | 1204020007 | Kiều Thị         | Hoa   | 20/08/1991 | LT12A        | 01     | 9,5      | 07     | 03    | Hoa           |         |
| 4   | 000004 | 1204020022 | Lý Thị Thùy      | Linh  | 24/07/2003 | LT12A        | 01     | 4,0      | 05     | 04    | 12            |         |
| 5   | 000005 | 1204020010 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai   | 06/07/1991 | LT12A        | 01     | 8,0      | 13     | 09    | Đỗ            |         |
| 6   | 000006 | 1204020023 | Phạm Thị         | Ngọc  | 19/07/1993 | LT12A        | 01     | 4,5      | 14     | 10    | Đỗ            |         |
| 7   | 000007 | 1204020012 | Nguyễn Văn       | Phúc  | 11/07/1990 | LT12A        | 01     | 4,0      | 15     | 11    | Đỗ (Mặt khác) |         |
| 8   | 000008 | 1204020014 | Đinh Thu         | Thảo  | 23/03/1991 | LT12A        | 01     | 4,0      | 16     | 08    | Đỗ            |         |
| 9   | 000009 | 1204020024 | Nguyễn Thị Kiều  | Trang | 07/04/1989 | LT12A        | 01     | 6,0      | 29     | 13    | Đỗ            |         |
| 10  | 000010 | 1205020005 | Luyện Thị Hồng   | Hạnh  | 19/07/2000 | LT12A_ĐHĐH   | 01     | 4,0      | 30     | 20    | Đỗ            |         |
| 11  | 000011 | 1205020019 | Khương Mạnh      | Hùng  | 01/01/2002 | LT12A_ĐHĐH   | 01     |          |        |       |               | HP,ĐK   |
| 12  | 000012 | 1205020008 | Vũ Thị Thu       | Hương | 02/03/1997 | LT12A_ĐHĐH   | 01     | 4,5      | 22     | 14    | Đỗ            |         |
| 13  | 000013 | 1205020011 | Lê Thị Hoàng     | Nhi   | 16/01/2000 | LT12A_ĐHĐH   | 01     | 9,0      | 29     | 19    | Đỗ            |         |
| 14  | 000014 | 1205020016 | Vũ Phương        | Thảo  | 04/02/2002 | LT12A_ĐHĐH   | 01     | 3,5      | 12     | 08    | Thảo          |         |
| 15  | 000015 | 1205020018 | Khổng Văn        | Trung | 01/12/1988 | LT12A_ĐHĐH   | 01     | 4,0      | 11     | 07    | Đỗ            |         |
| 16  | 000016 | 1204020002 | Nguyễn Bá        | Chắt  | 16/01/1985 | LT12A_TCDH   | 01     | 8,0      | 10     | 06    | Đỗ            |         |
| 17  | 000017 | 1203020003 | Hoàng Văn        | Cường | 17/02/1994 | LT12A_TCDH   | 01     | 4,0      | 09     | 05    | Đỗ            |         |
| 18  | 000018 | 1204020006 | Chu Thị          | Hoa   | 19/11/2005 | LT12A_TCDH   | 01     | 0,5      | 27     | 16    | Hoa           |         |
| 19  | 000019 | 1203020017 | Lưu Thị          | Thuận | 26/05/1992 | LT12A_TCDH   | 01     | 8,0      | 28     | 17    | Đỗ            |         |
| 20  | 000020 | 1207020020 | Lê Thành         | Cương | 24/08/1986 | LT12A_VLVH C | 01     | 3,0      | 19     | 18    | Đỗ            |         |
| 21  | 000021 | 1207020021 | Hà Thị Mai       | Hương | 23/11/1980 | LT12A_VLVH C | 01     | 3,0      | 21     | 15    | Đỗ            |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 20...

Tổng số tờ giấy thi: 20...

Tổng số biên bản: 01...

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Vui

Đỗ Việt Hùng